

Đánh giá kết quả học tập của học sinh theo định hướng tiếp cận năng lực: Một số đề xuất về dạy học Tin học ở trường trung học phổ thông

Đặng Ngọc Tuấn¹, Nguyễn Tương Tri²

¹ Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Bình
187 Hữu Nghị, thành phố Đồng Hới,
tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
Email: dntuan@quangbinh.edu.vn

² Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế
34 Lê Lợi, thành phố Huế,
tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam
Email: nguyentuongtri@dhsphue.edu.vn

TÓM TẮT: *Đánh giá kết quả học tập của học sinh là việc làm thường xuyên và liên tục trong quá trình dạy học. Trong bối cảnh của Chương trình Giáo dục phổ thông đang được thiết kế lại, việc chuyển hướng dạy học theo định hướng nội dung sang dạy học định hướng năng lực đã được ban soạn thảo chương trình đề xuất và Quốc hội thông qua thì việc nghiên cứu thay đổi cách đánh giá kết quả được xem là việc làm mang tính cấp thiết và tất yếu. Trên cơ sở tìm hiểu, phân tích một số đặc điểm của từng cách tiếp cận dạy học, tác giả bài báo đề xuất một biện pháp đánh giá kết quả học tập theo định hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực của học sinh dựa trên một nghiên cứu cho trường hợp dạy học môn Tin học ở trường trung học phổ thông.*

TỪ KHÓA: **Đánh giá; phẩm chất; năng lực; Tin học; trung học phổ thông.**

→ Nhận bài 03/03/2020 → Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa 20/03/2020 → Duyệt đăng 25/03/2020.

1. Đặt vấn đề

Môn Tin học trong đợt thay đổi Chương trình (CT) Giáo dục (GD) phổ thông mới (2018) được xác định là môn học cốt lõi, giúp hình thành và phát triển cho học sinh (HS) năng lực (NL) Tin học - một trong mười NL đã được xác định. Tuy nhiên, việc xác định các tiêu chí, biện pháp đánh giá kết quả học tập theo định hướng tiếp cận NL của HS chưa được đề cập nhiều trong các tài liệu chuyên môn. Trong bối cảnh đó, để có được cơ sở trao đổi thảo luận, chúng tôi đã nghiên cứu dựa trên CT Tin học mới [1] và một số tài liệu [2], [3], [4], [5] kết hợp với tri thức của các chuyên gia trong lĩnh vực này để đề xuất một số nội dung liên quan đến lĩnh vực Tin học.

Trước hết, để đánh giá kết quả học tập theo định hướng tiếp cận NL HS, chúng ta cần xác định khái niệm về NL. Theo Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (Organization for Economic Cooperation and Development, hay OECD), NL là khả năng đáp ứng một cách hiệu quả những yêu cầu phức hợp trong một bối cảnh cụ thể. Theo CT GD phổ thông mới (2018), NL là thuộc tính cá nhân được hình thành, phát triển nhờ tố chất sẵn có và quá trình học tập, rèn luyện, cho phép con người huy động tổng hợp các kiến thức, kỹ năng (KN) và các thuộc tính cá nhân khác như hứng thú, niềm tin, ý chí,... thực hiện thành công một loại hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể [1], [6], [7].

Như vậy, đánh giá kết quả học tập theo định hướng tiếp cận NL sẽ giúp cho việc khẳng định NL của bản thân HS trên cơ sở khả năng chuyển hóa kiến thức, KN và thái độ thu nhận được qua quá trình GD; Khẳng định được khả năng giải quyết tình huống dựa trên mức độ huy động,

tổng hợp các yếu tố như tri thức, KN, thái độ tiếp cận của cá nhân HS. Do vậy, tiếp cận NL đòi hỏi HS chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức, KN vào những tình huống ứng dụng khác nhau. Theo cách hiểu trên thì đánh giá định hướng NL là đánh giá khả năng vận dụng kiến thức, KN và thái độ ứng xử trong những tình huống cụ thể mà theo CT GD phổ thông mới 2018 thì chúng được thể hiện vào các phẩm chất và NL.

Đánh giá kết quả học tập của HS đối với các môn học và hoạt động GD theo quá trình hay ở mỗi giai đoạn học tập chính là biện pháp chủ yếu nhằm xác định mức độ thực hiện mục tiêu dạy học về kiến thức, KN, thái độ và NL, đồng thời có vai trò quan trọng trong việc cải thiện kết quả học tập của HS. Xét về bản chất thì không có mâu thuẫn giữa đánh giá NL và đánh giá kiến thức, KN [2], đánh giá NL được coi là bước phát triển cao hơn so với đánh giá kiến thức, KN. Cụ thể hơn là việc đánh giá NL chính là đánh giá mức độ “tiêu hóa” kiến thức, KN và “thấm” về ý thức thái độ khi đứng trước một yêu cầu cần giải quyết về phẩm chất và NL giải quyết vấn đề đó.

Để chứng minh HS có NL ở một mức độ nào đó, phải tạo cơ hội cho HS được giải quyết vấn đề trong tình huống mang tính thực tiễn. Khi đó, HS vừa phải vận dụng những kiến thức, KN đã được học ở nhà trường, vừa sử dụng những kinh nghiệm của bản thân thu được từ những trải nghiệm bên ngoài nhà trường (gia đình, cộng đồng và xã hội) để giải quyết vấn đề của thực tiễn. Như vậy, thông qua việc hoàn thành một nhiệm vụ trong bối cảnh thực, người ta có thể đồng thời đánh giá được cả khả năng nhận thức, KN thực hiện và những giá trị, tình cảm của người học.

Ví dụ, khi dạy học phần Soạn thảo văn bản (Tin học 10), thay vì dạy theo cấu trúc bài học truyền thống, chúng ta có thể hình thành các chủ đề dự án (báo tường, tập san, ...) để HS khám phá dựa trên những kiến thức lĩnh hội được từ nhiều nguồn, trong đó có việc giảng dạy và hỗ trợ của GV. Vấn đề đặt ra ở đây là làm thế nào để đánh giá kết quả của HS dựa trên sản phẩm thu được? Chúng ta cần xây dựng một bản mô tả các yêu cầu cần đạt và các NL cần hướng đến trong từng nội dung cụ thể như thế nào?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nghiên cứu đề xuất dạy học Tin học ở trường trung học phổ thông theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

2.1.1. Một số điểm khác biệt cần quan tâm khi đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

Để có cơ sở cho việc đánh giá theo hướng tiếp cận phẩm chất, NL, chúng ta cần xác định được một số dấu hiệu khác biệt cơ bản giữa đánh giá kết quả theo hướng tiếp cận nội dung (kiến thức, KN, thái độ) với hướng tiếp cận NL người học (phẩm chất, NL cần đạt) được đưa ra ở Bảng 1. Trên cơ sở đó, chúng ta dễ dàng thiết kế nội dung dạy học đáp ứng mục tiêu đặt ra của CT theo mỗi hướng tiếp cận. Đây cũng là những nghiên cứu mang tính khái quát, chưa thực sự chi tiết đến nội dung môn học cụ thể. Tuy nhiên, chúng ta có thể tham khảo để làm căn cứ xác định giúp cho việc triển khai tổ chức các hoạt động dạy học theo hướng tiếp cận mới một cách dễ dàng hơn.

2.1.2. Quan hệ giữa phẩm chất, năng lực với kiến thức, kĩ năng và thái độ

Với quan niệm về NL như đã nêu trên, trong quá trình học tập để hình thành và phát triển được các NL, người học cần chuyên hóa những kiến thức, KN, thái độ có được vào giải quyết những tình huống mới và xảy ra trong môi trường mới. Như vậy, kiến thức, KN là cơ sở để hình thành NL, là nguồn lực giúp cho người học tìm được các giải pháp tối ưu để thực hiện nhiệm vụ giải quyết các tình huống thực tiễn hoặc có cách ứng xử phù hợp trong những hoàn cảnh cụ thể. Khả năng đáp ứng phù hợp với bối cảnh của thực tiễn cuộc sống là đặc trưng quan trọng nhất của NL. Khả năng đó có được dựa trên sự đồng hóa và sử dụng có cân nhắc những kiến thức, KN cần thiết trong từng hoàn cảnh cụ thể. Những kiến thức là cơ sở để hình thành và rèn luyện NL phải được tạo nên do chính người học chủ động nghiên cứu, tìm hiểu hoặc được hướng dẫn nghiên cứu tìm hiểu và từ đó kiến tạo nên. Việc hình thành và rèn luyện NL được diễn ra theo hình xoay tròn ốc, trong đó các NL có trước được sử dụng để kiến tạo kiến thức mới và đến lượt mình, kiến thức mới lại đặt cơ sở để hình thành những NL mới.

KN theo nghĩa hẹp là những thao tác, những cách thức thực hành, vận dụng kiến thức, kinh nghiệm đã có để thực hiện một hoạt động nào đó trong một môi trường quen thuộc. KN hiểu theo nghĩa rộng, bao hàm những kiến thức, những hiểu biết và trải nghiệm giúp cá nhân có thể thích ứng khi hoàn cảnh thay đổi [2].

Kiến thức, KN là cơ sở cần thiết để hình thành NL

Bảng 1: Một số điểm khác biệt giữa hai cách đánh giá HS

Tiêu chí	Tiếp cận nội dung	Tiếp cận NL
Mục tiêu	Mức độ ghi nhớ, hiểu, áp dụng kiến thức đã thu nhận được.	Khả năng giải quyết vấn đề tình huống đặt ra hoặc trong thực tiễn.
Nhiệm vụ chính của quá trình dạy học	Tập trung vào kiến thức hàn lâm.	Tập trung vào NL thực tế và sáng tạo.
Tính đa dạng của các bài kiểm tra	Các bài kiểm tra trên giấy được thực hiện vào cuối một chủ đề, một chương, một học kì,...	Nhiều bài kiểm tra đa dạng (giấy, thực hành, sản phẩm dự án, cá nhân, nhóm...) trong suốt quá trình học tập.
Tính hợp tác, phát triển	Đề cao vai trò cá nhân.	Coi trọng vai trò cá nhân. Nhấn mạnh sự hợp tác, làm việc nhóm.
Đánh giá HS	Đánh giá được thực hiện bởi các cấp quản lí và do GV.	GV và HS chủ động trong đánh giá.
Khả năng tự đánh giá của HS	Không hoặc ít được công nhận.	Khuyến khích tự đánh giá và đánh giá chéo của HS.
Đánh giá phẩm chất đạo đức	Đánh giá đạo đức HS chú trọng đến việc chấp hành nội quy nhà trường, tham gia phong trào thi đua...	Đánh giá phẩm chất của HS toàn diện, chú trọng đến NL cá nhân, khuyến khích HS thể hiện cá tính và NL bản thân.
Phương pháp GD	Quan tâm đến mục tiêu cuối cùng của việc dạy học (ghi nhớ nội dung).	Quan tâm đến đến phương pháp học tập, phương pháp rèn luyện của HS trong quá trình học tập (hiệu quả vận dụng).
Phương pháp đánh giá kết quả	Chú trọng vào điểm số	Chú trọng vào quá trình tạo ra sản phẩm, chú ý đến ý tưởng sáng tạo, đến các chi tiết của sản phẩm.

trong một lĩnh vực hoạt động nào đó. Tuy nhiên, nếu một người chỉ có kiến thức, KN trong một lĩnh vực nào đó thì chưa chắc chắn được xem là có NL mà còn cần đến tình huống vận dụng của người đó dựa trên việc vận dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, KN cùng với thái độ, giá trị, trách nhiệm bản thân để thực hiện thành công các nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn khi điều kiện và bối cảnh thay đổi. Do vậy, đánh giá phẩm chất và NL sẽ giúp cho nền GD nước nhà tiệm cận đến một nền GD hiện đại, phù hợp với xu thế phát triển chung của nhân loại.

2.1.3. Đề xuất dạy học Tin học ở trường trung học phổ thông theo hướng tiếp cận phẩm chất, năng lực

a. Đặc điểm CT môn Tin học ở trường THPT

Theo CT GD phổ thông mới (2018), môn Tin học trở thành một môn học bắt buộc từ năm lớp 3 đến lớp 12, khác với CT hiện hành (Môn Tin học ở trường tiểu học và trung học cơ sở đang là môn tự chọn, tùy thuộc điều kiện của từng địa phương). Do đó, đối với CT THPT mới, CT sẽ có cách tiếp cận sâu hơn và phân hóa người học cao hơn, bên cạnh nhiệm vụ hướng nghiệp trong thời đại mới, thời đại của kỉ nguyên số.

GD Tin học đóng vai trò chủ đạo trong việc chuẩn bị cho HS khả năng tiếp nhận, vận dụng, tìm kiếm, mở rộng tri thức và sáng tạo trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hoá. Tin học có ảnh hưởng lớn đến cách sống, cách suy nghĩ và hành động của con người, là công cụ hiệu quả hỗ trợ, biến việc học thành tự học suốt đời. Môn Tin học giúp HS thích ứng và hoà nhập được với xã hội hiện đại, hình thành và phát triển cho HS NL Tin học để học tập, làm việc và nâng cao chất lượng cuộc sống, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc [8].

Nội dung môn Tin học theo CT GD phổ thông mới được xây dựng dựa trên ba mạch kiến thức hoà quyện: Học vấn số hoá phổ thông (Digital Literacy - DL); Công nghệ thông tin (CNTT) và truyền thông (Information and Communication Technology - ICT); Khoa học máy tính (Computer Science - CS) với hai giai đoạn phát triển là GD cơ bản và GD định hướng nghề nghiệp. Trong đó, giai đoạn GD định hướng nghề nghiệp là giai đoạn chủ yếu, thuộc CT Tin học cấp THPT. Ở cấp học này, môn Tin học có sự phân hoá sâu. Cụ thể, tùy theo sở thích và dự định về nghề nghiệp trong tương lai, HS chủ động lựa chọn một trong hai định hướng: *Tin học ứng dụng* hoặc *Khoa học máy tính*. Với bảy chủ đề xuyên suốt, hai định hướng này có nội dung dạy học khác nhau. Do đó, việc đánh giá NL và phẩm chất cũng hoàn toàn khác nhau. Trên cơ sở nghiên cứu CT mới, chúng tôi tiến hành đề xuất đánh giá kết quả học tập dựa trên bảy chủ đề theo hướng phẩm chất và NL.

b. Một số đề xuất nội dung dạy học Tin học ở trường

THPT và hướng đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận phẩm chất, NL

Mục tiêu của CT Tin học THPT là giúp HS có khả năng hoà nhập và thích ứng được với sự phát triển của xã hội số, ứng dụng CNTT và truyền thông trong học và tự học; Tìm kiếm và trao đổi thông tin theo cách phù hợp, tuân thủ pháp luật, có đạo đức, ứng xử văn hoá và có trách nhiệm; Có hiểu biết thêm một số ngành nghề thuộc lĩnh vực Tin học, chủ động và tự tin trong việc định hướng nghề nghiệp tương lai của bản thân. Chính vì thế, CT mới phải gắn kết học lí thuyết với thực hành, sáng tạo ra các sản phẩm số của cá nhân, của nhóm và quá trình học tập. Người học phải có khả năng giải quyết vấn đề mang tính liên môn bằng cách ứng dụng CNTT và truyền thông vào các môn học đó. Ví dụ, lập trình giải bài toán xác định vận tốc của một vật rơi ở độ cao h sau một khoảng thời gian t. Ví dụ, vận dụng Excel để lập bảng lương cho toàn bộ nhân viên một công ty,...

Với định hướng *Tin học ứng dụng*, CT sẽ vận hành theo hướng tăng cường thực hành, hướng nghiệp, không đòi hỏi kiến thức sâu của Tin học, nhằm rèn luyện nâng cao NL chủ yếu về ICT. Các chuyên đề trong định hướng Tin học ứng dụng nhằm giúp HS có thêm cơ hội thực hành dưới sự hướng dẫn của GV để trau dồi KN sử dụng các phần mềm công cụ, qua đó hình thành NL giải quyết vấn đề dựa trên khả năng vận dụng linh hoạt các phần mềm công cụ đó. Bên cạnh đó, CT có một số chuyên đề về những thành tựu mới của công nghệ kĩ thuật số, có tính thời sự, nhằm đáp ứng sở thích vui chơi, giải trí, học tập của đại bộ phận giới trẻ [8],[9]. Với những HS không chọn học môn Tin học như là một hướng đi cho nghề nghiệp chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực CNTT thì việc chọn học cụm chuyên đề Tin học ứng dụng là một cơ hội phát triển NL Tin học để chuẩn bị học các ngành nghề khác nhau một cách hiệu quả, hoặc để đáp ứng nhu cầu cá nhân.

Đối với định hướng *Khoa học máy tính*, CT được thiết kế nhằm cung cấp kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Tin học cho HS, tức là những nội dung mang tính nền tảng và cốt lõi để HS có cơ sở cho việc nghiên cứu sâu và học lên các bậc học cao hơn thuộc chuyên ngành CNTT. Cụ thể, các chuyên đề theo định hướng Khoa học máy tính sẽ tập trung phát triển tư duy máy tính, NL phân tích bài toán, NL lựa chọn kiểu dữ liệu và khả năng thiết kế thuật toán. Với những HS chọn học môn Tin học như là một hướng đi cho nghề nghiệp chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực CNTT trong tương lai thì đây chính là những kiến thức, KN mà họ đang mong đợi được thu nhận để sớm hình thành được những phẩm chất và NL thực thụ, đáp ứng cho nghề nghiệp trong tương lai.

HS THPT có thể làm ra các sản phẩm số hoàn thiện, có chất lượng cao để ứng dụng được trong thực tế. Cần khuyến khích HS tham gia các diễn đàn, mạng xã hội để

Bảng 2: Đề xuất nội dung dạy học Tin học ở THPT và hướng đánh giá kết quả học tập theo tiếp cận phẩm chất, NL

Chủ đề môn học	Nội dung dạy học dự kiến	Đối tượng/ Định hướng	Phương pháp tổ chức hoạt động dạy - học	Hình thức đánh giá
A. Máy tính và xã hội tri thức	Biểu diễn thông tin	Lớp 10/ Khoa học	Thuyết trình 50%; Thảo luận; Bài tập nhóm, báo cáo 50%.	Trắc nghiệm; Chấm bài báo cáo nhóm.
B. Mạng máy tính và Internet	Internet hôm nay và ngày mai	Lớp 10/ Ứng dụng	Thuyết trình 20%; Bài tìm hiểu cá nhân 50%; Chia sẻ, thảo luận 30%	Bài báo cáo cá nhân, đánh giá chéo, tự đánh giá của HS.
C. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin	Tìm kiếm và trao đổi thông tin trên mạng	Lớp 11/ Ứng dụng	Nêu vấn đề, diễn giảng 30%; Thực hành trên lớp, sử dụng phiếu học tập 40%; Chia sẻ, thảo luận 30%.	Khả năng khai thác thông tin của HS dựa trên kết quả phiếu học tập.
D. Đạo đức, pháp luật và văn hoá trong môi trường số	Ứng xử văn hoá và an toàn trên mạng	Lớp 11/ Khoa học	Thuyết trình 20%; Tình huống dạy học 40%; Thảo luận về cách ứng xử văn minh trên mạng xã hội 40%.	Trắc nghiệm; Xử lý tình huống; Bài báo cáo thảo luận của nhóm.
E. Ứng dụng Tin học	Thực hành sử dụng phần mềm tạo trang web	Lớp 12/ Ứng dụng	Thuyết trình, làm mẫu 20%; HS khai thác phần mềm thông qua các bài thực hành 80%.	Chấm điểm dựa trên sản phẩm theo tiêu chí của GV (bố cục, nội dung, thẩm mỹ,...).
F. Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính	Lập trình Python	Lớp 11/ Ứng dụng	Thuyết trình sử dụng tình huống dạy học 30%; xây dựng các case study hướng dẫn HS 50%; thảo luận chia sẻ học thuật 20%.	Đánh giá cho điểm các CT được cài đặt, khả năng vận dụng thuật toán giải quyết các bài toán thực tiễn.
G. Hướng nghiệp với Tin học	Giới thiệu một số ngành nghề thuộc lĩnh vực Tin học	Lớp 12/ Ứng dụng & Khoa học	Tổ chức ngày hội Tin học với sự tham gia của các trường đại học trong khu vực, các doanh nghiệp CNTT, Công ty phần mềm, Sở Thông tin và Truyền thông.	Bài thu hoạch về tìm hiểu ngành nghề liên quan đến ngày hội, định hướng tương lai, xây dựng kế hoạch cho tương lai,...

giới thiệu, trao đổi, đánh giá sản phẩm số của bản thân và của bạn bè. Cần khuyến khích HS tự học bằng việc khai thác học liệu thông qua Internet một cách hợp lí. Dựa trên những phân tích trên, chúng tôi đề xuất một số nội dung dạy học và cách tiếp cận đánh giá theo định hướng phẩm chất NL như ở Bảng 2.

2.2. Một số vấn đề trao đổi thảo luận, kiến nghị

Trên cơ sở nghiên cứu và tham khảo các tài liệu [2], [10], [3], [4], [5], [11], chúng tôi cho rằng, việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS theo hướng tiếp cận phẩm chất và NL cần tập trung vào một số vấn đề sau:

- Thay đổi cách thức nhìn nhận, đánh giá của GV trong quá trình tổ chức dạy học. Thông qua các CT bồi dưỡng tập huấn để giúp cho GV chuyển trọng tâm đánh giá chủ yếu từ ghi nhớ, hiểu kiến thức sang *đánh giá NL vận dụng, giải quyết những vấn đề của thực tiễn*, đặc biệt chú trọng đánh giá các NL tư duy bậc cao, tư duy sáng tạo, tư duy thuật toán.

- Thay đổi quan điểm của GV là đánh giá kết quả học tập cuối kì, hết môn học, khóa học nhằm mục đích xếp hạng, phân loại sang sử dụng các loại hình thức đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì sau từng chủ đề, từng chương nhằm mục đích phản hồi điều chỉnh quá trình dạy học.

- Coi trọng sản phẩm học tập và giá trị khác biệt của HS để đánh giá NL, trí tuệ và phẩm chất của HS, thông qua đó để xác định mức độ hiểu biết, khả năng vận dụng

và khả năng tích hợp của các em trong quá trình học tập.

- Xem đánh giá như là một phương pháp dạy học. Thừa nhận quá trình tự đánh giá của HS và đánh giá lẫn nhau giữa các HS là một thành phần của kết quả đánh giá môn học.

- Tăng cường khai thác, sử dụng CNTT trong kiểm tra, đánh giá: sử dụng các phần mềm thăm định các đặc tính đo lường của công cụ đánh giá (độ tin cậy, độ khó, độ phân biệt, độ giá trị) và sử dụng các mô hình thống kê vào xử lý phân tích, lí giải kết quả đánh giá giúp điều chỉnh quá trình dạy học kịp thời và mang lại hiệu quả cao.

Đánh giá thành tích học tập theo quan điểm phát triển NL không giới hạn vào khả năng tái hiện tri thức mà chú trọng khả năng vận dụng tri thức trong việc giải quyết các nhiệm vụ phức hợp. Với năm vấn đề ở trên, việc đánh giá kết quả học tập môn Tin học cấp THPT cần được cụ thể hóa để có thể mang lại hiệu quả cao nhất cho quá trình dạy học.

3. Kết luận

Đổi mới CT GD phổ thông là việc làm quan trọng, cần thiết để tạo ra một nền GD ngày càng phát triển và đáp ứng tốt hơn thực tế xã hội đặt ra. Đánh giá kết quả học tập của người học là một nhiệm vụ không thể tách rời với quá trình thực hiện đổi mới CT GD phổ thông. Bài báo phản ánh một số nội dung cần được quan tâm đối với quá trình thực hiện CT mới, đưa ra một vài ví dụ mang tính

trực quan để giúp cho quá trình giảng dạy của GV, cách thức tiếp cận, chủ động làm việc với CT mới một cách sáng tạo nhất có thể. Với phương pháp đánh giá kết quả học tập theo định hướng phẩm chất, NL thì việc thiết kế nội dung dạy học sao cho người học có nhiều nhất cơ hội được thể hiện, phản biện, trao đổi để tiêu hóa kiến thức

bài học sẽ được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, hình thức đánh giá được đa dạng hóa, phương cách thực hiện của GV cũng cần được thay đổi và linh hoạt, đó là những nội dung bài báo muốn đưa ra. Qua nghiên cứu này, tác giả mong muốn góp phần thực hiện CT GD phổ thông mới hiệu quả hơn, thiết thực hơn.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Minh Thuyết (Tổng chủ biên), (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông*, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[2] Đỗ Anh Dũng, (2019), *Đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh*, Vụ Giáo dục Trung học, Website: <https://tusach.thuvienkhoahoc.com>.

[3] Nguyễn Quang Thuần, (2016), *Đánh giá theo định hướng năng lực*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục, Tập 32, Số 2, tr.68 - 82.

[4] Hoàng Hòa Bình, (2015), *Năng lực và đánh giá theo năng lực*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 71.

[5] Nguyễn Thu Hà, (2014), *Giảng dạy theo năng lực và đánh giá theo năng lực trong giáo dục: Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nghiên cứu Giáo dục, Tập 30, Số 2, tr.56-64.

[6] Lương Việt Thái (chủ nhiệm đề tài), Nguyễn Hồng Thuận, Phạm Thanh Tâm (2011), *Phát triển Chương trình Giáo dục phổ thông theo định hướng phát triển năng lực người học*, Đề tài nghiên cứu khoa học, Mã số: B2008-37-52 TD, Hà Nội.

[7] Đặng Thành Hưng, (2012), *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, (43), tháng 12/2012.

[8] Hồ Sỹ Đàm, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tin học*.

[9] Đỗ Ngọc Thống (2011), *Xây dựng Chương trình Giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, (68), tháng 5/2011.

[10] Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2014), *Tài liệu tập huấn đổi mới kiểm tra đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực học sinh các môn học*, Vụ Giáo dục Trung học.

[11] Nguyễn Thế Dũng, (2016), *Dạy học Tin học theo định hướng phát triển NL với mô hình B-learning - Một trường hợp nghiên cứu ở Đại học Sư phạm Huế*, Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Quảng Nam, số 9/ 2016.

EVALUATING STUDENT’S RESULTS BASED ON COMPETENCE-ORIENTED APPROACH: SOME SUGGESTIONS ON TEACHING INFORMATICS AT HIGH SCHOOLS

Dang Ngoc Tuan¹, Nguyen Tuong Tri²

¹ Quang Binh department of education and training
187 Huu Nghi, Dong Hoi city,
Quang Binh province, Vietnam
Email: dntuan@quangbinh.edu.vn

² Hue University of Education
34 Le Loi, Hue city, Thua Thien Hue province, Vietnam
Email: nguyentuongtri@dhsphue.edu.vn

ABSTRACT: *Evaluating students’ results is a regular and continuous issue in the teaching process. In the context of high school curriculum innovation and the transition from content-oriented teaching to capacity-oriented teaching method which is approved by National Assembly of Vietnam, it is an indispensable mission to carry out the research on the evaluation method of students’ results. In this paper, by analyzing some characteristics of each teaching approach, the authors propose a measure of assessing students’ learning outcomes based on a competence-oriented approach on a case study for Informatics subject at high schools.*

KEYWORDS: Evaluation; quality; competency; Informatics; high school.